TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ và bà Trần Th Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1090/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1146/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2022, bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Dương Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND tại xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Chị L và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nguyên nhân do anh Thành không chung thủy, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường cãi nhau, Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị L và anh Th đã tự hòa giải để quay về

chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc nên chị L và anh Th đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị L và anh Th không ai liên lạc và chủ động hòa giải. Chị L xác định giữa chị L và anh Th không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị L và anh Th chung sống có hai con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2005 và Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 04/11/2007, hiện nay cháu Tr và cháu Tr đang sống chung cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm thời chị L không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc gia đình, làm ăn ở xa nên chị L xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Văn Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị L được ly hôn với anh Th. Về con chung: Giao cháu Tr và chị Tr cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Dương Thị Kim L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Th, sinh năm 1982; HKTT: Tổ 6, ấp 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Th tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị L nhận thấy: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th và thực tế chị L và anh Th đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, đồng thời Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Th để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Th vắng mặt thể hiện việc anh Th không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Th là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung:

Chị L và anh Th chung sống có hai con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2005 và Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 04/11/2007, hiện nay cháu Tr và cháu Tr đang sống chung cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Tạm thời chị L không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu Tr và cháu Tr cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị L nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu về con chung của chị L.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim L về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" với anh Trần Văn Th.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Văn Th.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2005 và Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 04/11/2007 cho chị Dương Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm thời chị L không yêu cầu anh Trần Văn Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Kim L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008365 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp L.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số: 156, ngày 30/12/2004)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tiến Trung